

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

CHE - 101

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					20		20							60	100		
1	122210316	ĐỖ BÁ	THIỆN	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
2	122214411	LÊ XUÂN	LỘC	K13XDD1	10		7							10	9.4	Chèn pháp Bấ	
3	132214404	TRẦN PHƯỚC	ANH	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
4	132214405	HOÀNG ĐỨC	ẢNH	K13XDD1	10		7							9	8.8	Tâm pháp Tâm	
5	132214409	TRƯƠNG NGUYỄN QUỐC	BẢO	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
6	132214410	PHẠM THỊ	BÍCH	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chèn pháp Sầu	
7	132214417	PHAN XUÂN	CHIÊN	K13XDD1	9		7							7	7.4	Bay pháp Bấ	
8	132214418	NGUYỄN VĂN	CHINH	K13XDD1	10		7							7	7.6	Bay pháp Sầu	
9	132214434	NGUYỄN VĂN	DŨNG	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
10	132214437	QUÁCH HOÀNG	DŨNG	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chèn pháp Sầu	
11	132214443	NGUYỄN VĂN	HẢI	K13XDD1	10		7							10	9.4	Chèn pháp Bấ	
12	132214448	HOÀNG TRUNG	HIẾU	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
13	132214451	NGUYỄN TIẾN	HÙNG	K13XDD1	8		8							8	8.0	Tâm	
14	132214454	PHAN VĂN	HOÀI	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
15	132214458	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K13XDD1	10		9							8	8.6	Tâm pháp Sầu	
16	132214472	NGUYỄN CAO	HƯỚNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
17	132214478	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XDD1	10		7							9	8.8	Tâm pháp Tâm	
18	132214487	VĂN CÔNG	LẬP	K13XDD1	10		7							10	9.4	Chèn pháp Bấ	
19	132214492	NGUYỄN VIỆT	LONG	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
20	132214498	NGUYỄN KIM	MAU	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
21	132214503	NGUYỄN XUÂN THÁI	NGỌC	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chèn pháp Sầu	
22	132214507	LÊ VĂN	NHÂN	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chèn pháp Sầu	
23	132214508	NGUYỄN HỮU THÀNH	NHÂN	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
24	132214514	NGUYỄN NGUYỄN	PHÁT	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
25	132214520	ĐẶNG VĂN BẢO	PHƯỚC	K13XDD1	10		9							10	9.8	Chèn pháp Tâm	
26	132214524	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
27	132214529	LÊ	QUÂN	K13XDD1	8		8							8	8.0	Tâm	
28	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K13XDD1	10		7							8	8.2	Tâm pháp Hai	
29	132214540	HỒ NGỌC	SẮC	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
30	132214543	HUỶNH LINH	SON	K13XDD1	10		7							10	9.4	Chèn pháp Bấ	
31	132214545	TRẦN BẢO	SON	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
32	132214550	TRƯƠNG ĐÌNH	TÂN	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
33	132214555	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chèn pháp Sầu	
34	132214560	PHAN ĐÌNH	THÀNH	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
35	132214574	NGUYỄN	THƯƠNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
36	132214575	PHẠM MINH	TIẾP	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
37	132214581	NGUYỄN TIẾN	TOÀN	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
38	132214587	VÕ CÔNG	TRÚ	K13XDD1	8		8							7	7.4	Bay pháp Bấ	
39	132214592	MAI HOÀNG	TRUNG	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
40	132214596	NGUYỄN THANH	TRƯỜNG	K13XDD1	10		8							7	7.8	Bay pháp Tâm	
41	132214601	NGUYỄN KIM	TUẤN	K13XDD1	10		8							8	8.4	Tâm pháp Bấ	
42	132214606	NGUYỄN TIẾN	TÙNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chèn	
43	132214612	NGUYỄN XUÂN	VÀNG	K13XDD1	10		7							7	7.6	Bay pháp Sầu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

CHE - 101

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					20		20							60	100		
44	132214616	TRẦN HOÀNG	VIỆT	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chên	
45	132214620	TRẦN VĂN	VINH	K13XDD1	10		7							9	8.8	Tâm pháy Tâm	
46	132214624	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chên	
47	132214625	PHẠM XUÂN	VƯƠNG	K13XDD1	10		8							9	9.0	Chên	
48	132214633	TRƯƠNG VIỆT	LONG	K13XDD1	10		8							10	9.6	Chên pháy Sầu	
49	112210240	LÊ BÁ	CHIẾN	K13XDD2	10		8							10	9.6	Chên pháy Sầu	
50	112210280	LÊ THANH	PHONG	K13XDD2	0		0							0	0.0	Khâng	
51	132214402	BÙI TUẤN	ANH	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
52	132214412	PHAN THANH	BÌNH	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
53	132214419	MAI DUY VIỆT	CUÔNG	K13XDD2	8		7							7	7.2	Bay pháy Hai	
54	132214430	TRẦN ANH	ĐỨC	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
55	132214435	TRẦN VIỆT	ĐŨNG	K13XDD2	0		0							0	0.0	Khâng	
56	132214446	CAO HUY	HIỂN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
57	132214449	NGUYỄN VŨ VIỆT	HIẾU	K13XDD2	10		7							9	8.8	Tâm pháy Tâm	
58	132214455	CAO THANH	HOÀN	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
59	132214460	VĂN NGỌC	HOÀNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
60	132214465	NGUYỄN HỮU	HÙNG	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
61	132214471	TRẦN XUÂN	HÙNG	K13XDD2	9		7							7	7.4	Bay pháy Bấ	
62	132214479	VÕ ĐÌNH	KHÁNH	K13XDD2	9		8							9	8.8	Tâm pháy Tâm	
63	132214483	HOÀNG	KHUYNH	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
64	132214494	NGUYỄN THANH	LUÂN	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
65	132214499	TRẦN ĐÌNH DUY	MINH	K13XDD2	10		8							10	9.6	Chên pháy Sầu	
66	132214502	VŨ HOÀI	NAM	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
67	132214504	TRẦN	NGỌC	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
68	132214515	NGUYỄN HÙNG	PHI	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
69	132214523	ĐẶNG NGỌC	PHƯỚC	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
70	132214530	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
71	132214536	TRẦN ĐÌNH	QUỐC	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
72	132214541	LÊ MINH	SANG	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
73	132214546	TRẦN QUỐC	SON	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
74	132214551	ĐẶNG VIỆT	THÀNH	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
75	132214554	LÊ HUY	THẮNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
76	132214556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
77	132214558	HOÀNG KIM	THÀNH	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
78	132214565	NGUYỄN TRƯỜNG	THIỆN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
79	132214569	HUỶNH DUY	THUẤN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
80	132214571	BÙI ĐÌNH	THỰC	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chên	
81	132214576	LÊ NHẬT	TÍNH	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
82	132214586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
83	132214588	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	K13XDD2	9		7							7	7.4	Bay pháy Bấ	
84	132214591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
85	132214593	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
86	132214597	NGUYỄN HỮU	TÚ	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

CHE - 101

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					20		20							60	100		
87	132214602	PHẠM THANH	TUẤN	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chèn	
88	132214607	TRẦN SƠN	TÙNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
89	132214613	NGÔ THÀNH	VIÊN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
90	132214619	PHAN QUANG	VINH	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chèn	
91	132214621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD2	10		8							9	9.0	Chèn	
92	132214626	DƯƠNG LÊ	VƯƠNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
93	132214629	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
94	132214637	HỒ THÀNH	TRUNG	K13XDD2	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
95	122210338	THÁI MINH	VIỆT	K13XDD3	0		0							0	0.0	Kháng	
96	132214403	PHẠM QUỐC	ANH	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
97	132214408	NGUYỄN ĐÌNH	BẢO	K13XDD3	8		7							7	7.2	Bay pháy Hai	
98	132214416	VĂN PHÚ	CHÁNH	K13XDD3	7		8							9	8.4	Tam pháy Bấu	
99	132214420	NGUYỄN CÔNG	CUÔNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
100	132214421	NGUYỄN PHÚC	CUÔNG	K13XDD3	10		8							10	9.6	Chèn pháy Sầu	
101	132214424	ĐẶNG CÔNG	ĐIỆP	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
102	132214426	LÊ DOẢN	DOANH	K13XDD3	8		8							9	8.6	Tam pháy Sầu	
103	132214428	NGUYỄN ĐẠI	ĐỨC	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
104	132214432	LÂM VĂN	DŨNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
105	132214433	LÊ DUY	DŨNG	K13XDD3	8		7							7	7.2	Bay pháy Hai	
106	132214438	BÙI ĐẠI	DƯƠNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
107	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K13XDD3	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
108	132214450	PHAN BÁ	HIỆU	K13XDD3	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
109	132214461	NGUYỄN TRƯỜNG	HỒNG	K13XDD3	10		8							10	9.6	Chèn pháy Sầu	
110	132214463	HÀ XUÂN	HÙNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
111	132214470	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
112	132214474	KHÚC VĂN	HUY	K13XDD3	10		8							10	9.6	Chèn pháy Sầu	
113	132214490	VĂN ĐÌNH	LỘC	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
114	132214495	NGUYỄN VĂN	LUÂN	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
115	132214497	NGUYỄN VĂN	MÁO	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
116	132214505	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
117	132214511	NGUYỄN TRƯỜNG	NHI	K13XDD3	0		0							0	0.0	Kháng	
118	132214519	ĐỖ QUANG	PHỤNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
119	132214522	PHẠM DUY	PHƯỚC	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
120	132214527	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
121	132214539	NGUYỄN DƯƠNG	QUYÊN	K13XDD3	8		6							7	7.0	Bay	
122	132214542	TRẦN NHẬT	SANH	K13XDD3	10		7							7	7.6	Bay pháy Sầu	
123	132214547	ĐỖ THẾ	SỰ	K13XDD3	10		7							6	7.0	Bay	
124	132214549	HUỖNH THANH	TÂN	K13XDD3	0		0							0	0.0	Kháng	
125	132214552	PHAN VĂN	THẠCH	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
126	132214557	HUỖNH VĂN	THANH	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
127	132214563	NGUYỄN SỸ	THÀNH	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	
128	132214568	PHAN ĐÌNH	THOẠI	K13XDD3	10		8							7	7.8	Bay pháy Tam	
129	132214573	CÙ HOÀNG	THƯƠNG	K13XDD3	10		8							9	9.0	Chèn	

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOA K13XDD

TÊN HỌC PHẦN:

THÍ NGHIỆM HÓA ĐẠI CƯƠNG

HỌC KỲ

4

MÃ HỌC PHẦN :

CHE - 101

TÍN CHỈ

1

LẦN THI

1

Ngày thi:

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ			
					20		20							60	100			
130	132214577	DƯƠNG	TÍNH	K13XDD3	8		8								9	8.6	Tạm phép Sầu	
131	132214585	HỒ MINH	TRIỆU	K13XDD3	10		7								7	7.6	Bay phép Sầu	
132	132214589	NGÔ VĂN	TRUNG	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
133	132214594	TRẦN ĐÌNH	TRƯỜNG	K13XDD3	10		8								10	9.6	Chên phép Sầu	
134	132214595	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
135	132214598	TRẦN VIỆT	TUẤN	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
136	132214603	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
137	132214605	NGUYỄN THANH	TÙNG	K13XDD3	10		7								7	7.6	Bay phép Sầu	
138	132214611	PHẠM QUỐC	VĂN	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
139	132214628	LÊ ANH	XUÂN	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
140	132214632	DƯƠNG HỮU	NHẬT	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
141	132214636	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
142	132214638	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	K13XDD3	10		8								9	9.0	Chên	
143	132214639	VÕ HỒNG	MINH	K13XDD3	0		0								0	0.0	Khăng	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	137	96%	
2	Số sinh viên nợ	6	4%	
TỔNG CỘNG :		143	100%	

Đà Nẵng, ngày 2 tháng 3 năm 2010

LÃNH ĐẠO

KIỂM TRA

LÃNH ÁO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO

(kyivaighi roihouân)

(kyivaighi roihouân)

(kyivaighi roihouân)

Nguyễn Kim Ẩc

Trương Văn Tâm

ThS. Huỳnh Ngọc Hà

Nguyễn Ân